

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-PT
Ngày 31-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên* Bà Phạm Mai Hằng
tòa: Ông Nguyễn Hữu Hải
Các Thẩm phán: Ông Vũ Dũng
- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tố Uyên –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Phương T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Phương T (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh ngày 28 tháng 02 năm 1982, tại Vĩnh Phúc; ĐKNKTT: Khu F, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay: Khu C, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh P và bà Nguyễn Thị Ó; chồng Nguyễn Trung T1 và 03 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2021) đều trú tại: Khu C, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Lê Hữu L - Luật sư – Công ty L1 - Đoàn luật sư tỉnh P.

Địa chỉ: Số nhà A, đường M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1956 (đã chết ngày 17/12/2023).

Đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (vợ ông K)
2. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988 (con đẻ ông K)
3. Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1990 (con đẻ ông K)
4. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1993 (con đẻ ông K)
5. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995 (con đẻ ông K)

6. Chị Nguyễn Thị P2, sinh năm 1997 (con đẻ ông K)

Đều trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Người được ủy quyền: Chị Nguyễn Thị P1

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Đại diện hợp pháp của bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Phương T có giấy phép lái xe hạng B2 do Sở Giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 08-9-2016, có giá trị đến ngày 08-9-2026; khoảng 12 giờ 25 phút ngày 17-12-2023, Trần Phương T điều khiển xe ô tô tải (PICKUP cabin kép) nhãn hiệu MITSUBISHI, loại TRITON, màu sơn nâu, biển kiểm soát 19C-157.26 trên xe chở 02 người gồm anh Nguyễn Trung D và anh Hồ T3 di chuyển trên đường T hướng thành phố Y đi huyện V, tỉnh Yên Bái, khi đi đến đoạn đường vòng phải xuống dốc tại km15+600 thuộc địa phận bản B, xã V, huyện T lúc này trời mưa, đường ướt nhưng Trần Phương T không giảm tốc độ đến mức an toàn mà điều khiển xe ô tô của mình đi sang phần đường bên trái dẫn đến đâm va vào xe mô tô nhãn hiệu SUMOTO, màu sơn xanh, biển kiểm soát 19AF-016.27 do ông Nguyễn Văn K điều khiển di chuyển ở phần đường bên phải theo chiều ngược lại. Hậu quả: ông Nguyễn Văn K tử vong tại chỗ, hai phương tiện bị hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định (lấy hướng thành phố Y đi huyện V làm chuẩn): nơi xảy ra tai nạn là đường hai chiều, đoạn đường vòng phải, xuống dốc, tầm nhìn bị hạn chế. Mặt đường bê tông nhựa nhẵn, có vạch kẻ sơn màu vàng một liền, một đứt tại tim đường, không có dải phân cách cứng ở giữa, tiếp đến là lề đường bê tông (trái) rộng 1,12m; cống thoát nước bê tông không có nắp đậy rộng 1,00m, sâu 0,46m. Lòng đường đo tại vị trí vết (1A) rộng 7,38m không có biển báo hiệu giao thông tại khu vực hiện trường, lề đất bên phải không rõ kích thước. Xác định điểm mốc, mép đường làm chuẩn, các dấu vết cụ thể như sau:

- Vết cày xước ngắt quãng (1) có kích thước: 13,90m; vết cày xước ngắt quãng (2) có kích thước: (3,66x0,16)m; vết cày xước ngắt quãng (4) có kích thước: 7,98m; vết miết xước màu đen (3) có kích thước: (8,80x0,18)m. Vị trí các vết cày xước và vết miết xước màu đen nằm hoàn toàn ở phần đường bên trái.

- Tử thi nằm hướng mặt lên trên, hướng lưng xuống dưới tại cống thoát nước.

- Xe mô tô biển kiểm soát 19AF-016.27 nằm đổ nghiêng tại lề bê tông trái, đầu xe quay hướng đi thành phố Y, đuôi xe quay hướng đi huyện V. Trục bánh xe trước cách mép chuẩn: 7,62m; trục bánh xe sau cách mép chuẩn: 6,92m.

- Xe ô tô tải biển kiểm soát 19C-157.26 dừng đỗ tại phần đường bên phải, đầu xe quay hướng đi huyện V; đuôi xe quay hướng đi thành phố Y. Mép lốp ngoài bánh trước bên trái xe cách mép chuẩn: 0,30m; cách trục bánh xe sau: 6,45m. Mép lốp ngoài bánh sau bên trái xe cách mép chuẩn là 1,10m.

Tại Bản kết luận giám định số 9697/KL-KTHS ngày 16-01-2024 của V, Bộ C kết luận: Hệ thống phanh của xe ô tô biển kiểm soát 19C-157.26 còn tác dụng hãm

bánh xe và đảm bảo an toàn kỹ thuật; hệ thống lái của xe ô tô biển kiểm soát 19C-157.26 điều khiển được bánh dẫn hướng sang hai bên và đảm bảo an toàn kỹ thuật.

Bản kết luận giám định tử thi số 675/KLGĐTT-PC09 ngày 27-12-2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Y kết luận: nguyên nhân chết của ông Nguyễn Văn K: đa chấn thương: chấn thương ngực (gãy xương sườn, rách bao màng ngoài tim, vỡ tâm nhĩ trái, tràn máu khoang ngực, dập phổi, tụ máu phổi); gãy xương đùi, căng chân trái.

Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 19-01-2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Yên Bái kết luận:

- Xe máy nhãn hiệu SUMOTO màu sơn xanh; biển kiểm soát 19AF-016.27 giá trị bị thiệt hại của xe khi xảy ra tai nạn là 1.596.000đồng.

- Xe ô tô loại xe tải pickup cabin kép, nhãn hiệu MITSUBISHI, màu sơn nâu; biển kiểm soát 19C-157.26 giá trị thiệt hại của xe khi xảy ra tai nạn là: 15.362.000đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Phương T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Phương T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/6/2024, bị cáo Trần Phương T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn, được quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Phương T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái theo hướng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Phương T 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (31/7/2024). Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1

Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Phương T giữ nguyên nội dung kháng cáo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Phương T làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Phương T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xác định phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận:

Trần Phương T có giấy phép lái xe hạng B2 do Sở Giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 08-9-2016, có giá trị đến ngày 08-9-2026, khoảng 12 giờ 25 phút ngày 17-12-2023, Trần Phương T đã điều khiển xe ô tô bán tải biển kiểm soát 19C-157.26 tham gia giao thông trên đường T hướng thành phố Y đi huyện V, tỉnh Yên Bái. Khi đến km15+600 thuộc địa phận bản Bền, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái là đoạn đường vòng phải, xuống dốc, thời tiết mưa, tầm nhìn bị hạn chế nhưng Trần Phương T không giảm tốc độ, điều khiển xe không đúng phần đường quy định nên va chạm vào xe mô tô nhãn hiệu SUMOTO màu sơn xanh; biển kiểm soát 19AF-016.27 do ông Nguyễn Văn K đi ngược chiều điều khiển. Hậu quả ông Nguyễn Văn K tử vong, hai xe bị hư hỏng. Hành vi nêu trên của Trần Phương T đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ, nên Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" với tình tiết định khung "*làm chết người*" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Phương T.

[3.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đã xem xét nhân thân của bị cáo; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo với mức án 01 (một) năm tù là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo Trần Phương T đã nhận thức được hành vi của mình đã thành khẩn khai nhận và thể hiện sự ăn năn hối cải, đây là tình tiết mới làm tăng mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là mức án thấp nhất của khung hình phạt nên cần được giữ nguyên. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không được chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo Trần Phương T là người có nhân thân tốt, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi vô ý, bị cáo có nhiều tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/VBHN-HĐTP ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Phương T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ được chấp nhận;

Đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa được chấp nhận một phần về việc cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Phương T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Phương T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (31/7/2024).

Giao bị cáo Trần Phương T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Phương T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Trấn Yên;
- TAND huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Phạm Mai Hằng

